| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN BIÊN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Hồng Minh.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ 08, ấp O, xã I, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau từ khoảng năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 05/7/2007. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con, kinh tế trong gia đình. Anh S không đóng góp, phụ giúp chia sẻ kinh tế với chị, chi tiêu sinh hoạt trong nhà đều do chị đảm nhiệm, vợ chồng có gây gổ cãi nhau và anh S có đánh chị. Chị cho anh S cơ hội để

thay đổi, sửa chữa nhưng anh S không thay đổi. Anh chị không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 01/2024 đến nay. Về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh S.

- Về con chung: Anh chị có 02 cháu Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh ngày 28/8/2008 và Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 21/3/2014 đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.*

**Tại phiên tòa**: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh S vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định đúng tư cách đương sự, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp; xác minh thu thập tài liệu chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh N về việc ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh ngày 28/8/2008, cháu Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 21/3/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ghi nhận chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N, anh S.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Thanh S tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01/2007 ngày 05/12/2007. Xét thấy các bên có đủ điều kiện kết hôn, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn thể hiện ý thức không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, không có nhu cầu, nguyện vọng, thiện chí hòa giải hàn gắn, đoàn tụ. Mặt khác, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh S và chị N thể hiện quá trình chung sống vợ chồng sống ly thân thời gian dài, không có tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của chị N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh S.

**[3] Về con chung:** Cháu Nguyễn Thị Huỳnh N1, cháu Nguyễn Gia Đ có nguyện vọng được sống với chị N. Xét thấy, hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; cháu N1, cháu Đ đã quen với điều kiện, môi trường sống và được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo điều kiện tốt nhất. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu N1, cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Huỳnh N không yêu cầu giải quyết.

**[5] Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**[6]** Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh N đối với anh Nguyễn Thanh S về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huỳnh N với anh Nguyễn Thanh S. Chị N và anh S không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh ngày 28/8/2008, cháu Nguyễn Gia Đ, sinh ngày 21/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Nguyễn Thị Huỳnh N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Huỳnh N không yêu cầu giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004874 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Hải**